

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ⁽¹⁾
(Ngày 30 tháng 12 năm 2023)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VŨ VĂN LIÊM; Ngày tháng năm sinh: 31/10/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó bí thư thường trực Đảng ủy
- Cơ quan/đơn vị công tác: Đảng ủy xã Tuân Việt
- Hộ khẩu thường trú: Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Số CCCD:030076001186; ngày cấp 28/3/2016; nơi cấp:Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Bộ Công an

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VŨ THỊ DUYỀN ; Ngày tháng năm sinh: 09/9/1980
- Chức vụ/chức danh công tác: Công nhân
- Cơ quan/đơn vị công tác: Tân Hưng– Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Hộ khẩu thường trú: Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Số CCCD:030180005652; ngày cấp 17/7/2016; nơi cấp:Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Bộ Công an

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập.

- Họ và tên: VŨ THỊ KIM DUNG
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/9/2006
- Hộ khẩu thường trú: Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Cam Cam Đông – Tuân Việt – Kim Thành - Hải Dương

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: *Ở chung với bố mẹ*

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Cam Cam Đông – Tuấn Việt – Kim Thành - Hải Dương

- Diện tích⁽⁹⁾: 300m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: *Chưa có*

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: *Sổ đỏ mang tên bố mẹ đẻ*

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất. *Không có*

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: *Không có*

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Nhà ở

- Địa chỉ: Cam Cam Đông – Tuấn Việt – Kim Thành - Hải Dương

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ; Cấp công trình cấp 4(*02 tầng*)

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 180m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Chưa có*

- Thông tin khác (nếu có): *Sổ đỏ mang tên bố mẹ đẻ*

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: *Công trình phụ*

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Công trình phụ;
- Địa chỉ: Cam Cam Đông – Tuấn Việt – Kim Thành - Hải Dương
- Loại công trình: Dân dụng; Cấp công trình: Công trình phụ
- Diện tích: 30m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: *Chưa có*
- Thông tin khác (nếu có): *Sổ đỏ mang tên bố mẹ đẻ*

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Nhãn, Vái ; Số lượng: 10 Cây Giá trị⁽¹⁰⁾: 10.000.000.
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: *Không có*

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. *Không có*

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có*

6.1. Cổ phiếu: *Không có*

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cỗ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: *Không có*

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: *Không có*

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾ *Không có*:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: *Không có*

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: *Không có*

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: *Không có*

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. *Không có*

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: *Không có*

- Tên chủ tài khoản: , số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 270.000.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130.000.000

- Tổng thu nhập của vợ :90.000.000

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: *Không có*

- Tổng thu nhập khác(*Trồng trọt, chăn nuôi*):50.000.000



- Tổng các khoản thu nhập chung: 270.000.000

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	<i>Không tăng, giảm</i>		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	<i>Không tăng, giảm</i>		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	<i>Không tăng, giảm</i>		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	<i>Không tăng, giảm</i>		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	<i>Không tăng, giảm</i>		
6.1. Cổ phiếu			

6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	<i>Không tăng, giảm</i>		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).	<i>Không tăng, giảm</i>		
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	<i>Không tăng, giảm</i>		
8. Tài sản ở nước ngoài.	<i>Không tăng, giảm</i>		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ :	<i>Tăng</i>	270.000.000	<p>-Tổng thu nhập của người kê khai = 130.000.000</p> <p>-Tổng thu nhập của vợ = 90.000.000</p> <p>-Tổng thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi = 50.000.000</p> <p>*Tăng 70.000.000 so với năm 2022, lý do tăng từ lương và trồng trọt, chăn nuôi năm 2023.</p>

Tuấn Việt ngày 30 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Vũ Thị Nguyên

<Văn phòng - Thông kê>

Tuấn Việt ngày 30 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)